

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2021

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Năm 2020		Dự toán năm 2021	So sánh (%)
		Dự toán năm 2020	Ước thực hiện năm 2020		
A	B	1	2	3	4
A	TỔNG THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	91.560.859	176.875.226	82.129.064	
	<i>Tổng thu NSDP không tính thu chuyển nguồn và thu kết dư</i>	<i>84.181.105</i>	<i>76.275.782</i>	<i>73.374.015</i>	<i>96,20%</i>
I	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp	75.487.960	67.582.637	69.092.340	102,23%
	- Thu NSDP hưởng 100%	35.110.000	34.170.338	33.522.000	98,10%
	- Thu NSDP hưởng từ các khoản thu phân chia	40.377.960	33.412.300	35.570.340	106,46%
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	8.693.145	8.693.145	4.281.675	49,25%
	- Thu bổ sung cân đối ngân sách				
	- Thu bổ sung có mục tiêu	8.693.145	8.693.145	4.281.675	49,25%
III	Thu từ Quỹ dự trữ tài chính				
IV	Thu kết dư năm 2019 chuyển sang		73.141.022		0,00%
V	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	7.379.754	27.458.422	8.755.049	31,88%
	<i>Trong đó: Thu BS từ nguồn CCTL đưa vào cân đối chi TX</i>	<i>7.379.754</i>	<i>7.379.754</i>	<i>8.755.049</i>	<i>118,64%</i>
B	TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	102.048.059	91.712.807	97.002.164	95,06%
	<i>Nếu không tính kinh phí chi TNTT theo Nghị quyết số 03</i>	<i>95.418.232</i>	<i>87.534.726</i>	<i>89.487.259</i>	<i>93,78%</i>
I	Tổng chi cân đối ngân sách địa phương	93.354.914	83.483.064	92.720.489	99,32%
1	Chi đầu tư phát triển (1)	36.103.906	36.996.077	38.289.156	106,05%
	<i>Trong đó: Chi Đầu tư phát triển từ nguồn bội chi NSDP</i>	<i>10.487.200</i>	<i>9.962.840</i>	<i>14.873.100</i>	<i>141,82%</i>
2	Chi thường xuyên	46.650.000	45.122.649	47.925.000	102,73%
	<i>Nếu không tính kinh phí chi thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết số 03 (2)</i>	<i>40.020.173</i>	<i>40.944.568</i>	<i>40.410.095</i>	<i>100,97%</i>
3	Chi trả nợ lãi vay	1.607.948	1.352.938	1.424.200	88,57%
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	11.400	11.400	11.400	100,00%
5	Dự phòng ngân sách	3.500.000		3.300.000	94,29%
6	Chi tạo nguồn điều chỉnh tiền lương	6.287.938		2.273.730	36,16%
	- Tạo nguồn CCTL của Thành phố	5.481.660		1.770.733	32,30%
	- Tạo nguồn CCTL của Quận huyện (3)	806.278		502.997	62,39%
II	Chi chương trình mục tiêu (4)	8.693.145	8.229.743	4.281.675	49,25%
1	Chi thực hiện Chương trình MTQG từ NSTW				
2	Chi thực hiện các CTMT, nhiệm vụ khác từ nguồn BSCMT của Ngân sách trung ương	8.693.145	8.229.743	4.281.675	49,25%
III	Chi chuyển nguồn sang năm sau				
C	BỘI CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	10.487.200		14.873.100	141,82%
D	CHI TRẢ NỢ GỐC CỦA NSDP	3.791.927	3.723.541	1.153.100	30,41%
I	Từ nguồn vay để trả nợ gốc	3.703.700		1.153.100	31,13%
II	Từ nguồn kết dư ngân sách Thành phố	88.227			
E	TỔNG MỨC VAY CỦA NSDP	14.190.900	13.493.740	16.026.200	112,93%
I	Vay để bù đắp bội chi	10.487.200		14.873.100	141,82%
II	Vay để trả nợ gốc	3.703.700		1.153.100	31,13%

Ghi chú: (1) Dự toán chi Đầu tư phát triển đã bao gồm 16.026,2 tỷ đồng nguồn Chính phủ vay về cho vay lại

(2) Kinh phí thực hiện chi tăng thu nhập theo Nghị quyết 03 năm 2020 là 4.178 tỷ đồng; dự toán năm 2021 là 7.515 tỷ đồng

(3) Số kinh phí để tạo nguồn thực hiện cải cách tiền lương năm 2021 của khối Quận huyện trích theo quy định là 502,997 tỷ đồng được phân bổ để thực hiện chi trả thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết 03 của khối Quận huyện và tổng hợp vào dự toán chi thường xuyên. Nguồn cải cách tiền lương của khối Thành phố là 1.770,733 tỷ đồng.

(4) Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NSTW

(5) Đối với các chỉ tiêu thu, so sánh DT năm 2021 với ước thực hiện năm 2020; Đối với các chỉ tiêu chi, so sánh DT năm 2021 với DT năm 2020